

Quyết định giám đốc thẩm

Số: 56/2023/DS-GĐT

Ngày 29/11/2023

V/v Tranh chấp kiện đòi tài sản
thừa kế

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HỘI ĐỒNG THẨM PHÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO

- Thành phần Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao gồm có:

Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hồng Hà - Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Các Thẩm phán: Ông Lê Văn Minh;

Ông Nguyễn Hồng Nam;

Bà Lương Ngọc Trâm;

Bà Đào Thị Minh Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thúy Hằng - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tối cao.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tối cao tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Sơn - Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

Ngày 29 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tối cao mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án dân sự “Tranh chấp kiện đòi tài sản thừa kế” giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: 1. Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1955;

2. Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1958;

Cùng cư trú tại: Thôn Giang L, xã Phương L, huyện Quế V, tỉnh Bắc Ninh.

- Bị đơn: 1. Anh Nguyễn Viết Đ, sinh năm 1986;

2. Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1987;

Cùng cư trú tại: Thôn Giang L, xã Phương L, huyện Quế V, tỉnh Bắc Ninh.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân huyện Quế V, tỉnh Bắc Ninh;

Người đại diện hợp pháp: Ông Hoàng Minh X, chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Quế V, tỉnh Bắc Ninh.

2. Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1965;

3. Cụ Nguyễn Thị T2, sinh năm 1939;

4. Cụ Nguyễn Thị T3, sinh năm 1950;

5. Dòng họ Nguyễn V1:

- Ông Nguyễn Viết P, sinh năm 1966 - Trưởng chi 1;
- Ông Nguyễn Viết B, sinh năm 1956 - Trưởng chi 2;
- Ông Nguyễn Viết P1, sinh năm 1939 - Trưởng chi 3.

Cùng cư trú tại: Thôn Giang L, xã Phương L, huyện Quế V, tỉnh Bắc Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 17/10/2016 và các lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị T và bà Nguyễn Thị V trình bày:

Thửa đất số 273, tờ bản đồ số 26, diện tích 410m² tại thôn Giang L, xã Phương L, huyện Quế V, tỉnh Bắc Ninh là của vợ chồng cụ Nguyễn Viết N, cụ Nguyễn Thị T4 (cha mẹ của các bà) để lại. Nguồn gốc thửa đất này là do vợ chồng cố Nguyễn Viết Đ1 để lại cho con trưởng là cụ N. Nhà của vợ chồng cố Đ1 đã bị giặc Tây đốt phá. Sau khi cụ N chết, cụ T4 đã làm căn nhà ngói 05 gian và công trình phụ trên đất để ở mà không có tranh chấp với ai. Do vợ chồng cụ N không có con trai nên khi các bà lập gia đình, ở riêng thì chỉ còn cụ T4 sinh sống tại thửa đất nêu trên.

Năm 1993, cụ T4 chết, gia đình cụ Nguyễn Viết L (con của cố Đ1) đến ở tại nhà đất nêu trên. Năm 2013, anh Nguyễn Viết Đ (cháu của cụ L) đã tự ý kê khai thửa đất trên và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Việc vợ chồng anh Đ được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất nêu trên các bà không biết.

Năm 2015, mẹ con anh Đ tự ý tháo dỡ phần công trình phụ mà trước đây cụ T4 xây dựng thì các bà không đồng ý và ngăn cản, hai bên đã thống nhất là gia đình anh Đ cắt trả cho các bà 100m², diện tích đất còn lại, các bà đồng ý cho gia đình anh Đ. Sau đó, các bà đã đến đo đạc và xây tường bao thì gia đình anh Đ thay đổi và không đồng ý để các bà xây dựng tiếp.

Vì vậy, các bà yêu cầu vợ chồng anh Đ phải trả lại toàn bộ thửa đất số 273, đề nghị Tòa án hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho vợ chồng anh Đ. (Sau đó, các bà có đơn đề nghị rút yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất).

Bị đơn là anh Nguyễn Viết Đ, chị Nguyễn Thị H trình bày:

Anh, chị thống nhất lời khai của nguyên đơn về quan hệ huyết thống, về nguồn gốc thửa đất số 273, tờ bản đồ số 26, diện tích 410m² nêu trên là của cố Đ1 để lại (có lời khai cho rằng nguồn gốc thửa đất trên của Tổ tiên truyền lại cho các đời Trưởng họ nên thuộc quyền sử dụng của Dòng họ Nguyễn V1).

Cụ Nguyễn Viết N là con trưởng nên ở cùng các cố. Năm 1963, cụ N chết, cụ Nguyễn Thị T4 (vợ của cụ Nạp) và bà T, bà V (các con của cụ N, cụ T4) vẫn ở tại nhà đất nêu trên của cố Đ1. Năm 1976, năm 1978, bà T và bà V

lần lượt lập gia đình chỉ còn cụ T4 ở nhà đất nêu trên. Từ năm 1978, ông Nguyễn Viết P đến ở và lo cúng giỗ. Năm 1990, ông Nguyễn Viết Đ cùng gia đình chuyển đến ở để tiếp tục chăm sóc cụ T4 cũng như cúng giỗ các cụ.

Tại thời điểm năm 1990, tài sản trên đất có 05 gian nhà gỗ xây gạch lợp ngói và 03 gian công trình phụ xây gạch lợp ngói đã cũ. Nhà và các công trình trước đây của cố Đ1 đã bị giặc Tây đốt, sau đó các cụ làm lại 05 gian nhà xây gạch lợp ngói và công trình phụ. Các cụ làm năm nào anh không biết, chỉ biết năm 1990 khi gia đình anh đến ở thì đã có nhà.

Do cụ Nguyễn Viết N không có con trai nên ông Nguyễn Viết Đ là người thừa kế của Dòng họ Nguyễn V1. Vì vậy, năm 1990 cả gia đình anh mới chuyển về ở trên đất của các cụ để lại, anh là người được Dòng họ giao trách nhiệm thờ cúng nên được hưởng thừa tự của Dòng họ.

Năm 2004, do nhà thờ xuống cấp, các cụ trong họ và gia đình anh sửa lại và xây thêm 50m² nhà trần để gia đình anh ở. Mọi việc giỗ tết trong Dòng họ đều do anh cúng giỗ, từ năm 1990 đến năm 2003 anh thực hiện nghĩa vụ thuế nên Nhà nước đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng anh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- *Cụ Nguyễn Thị T2, cụ Nguyễn Thị T3 (các con của cố Đ1) trình bày:* Thống nhất với trình bày của bà T, bà V về huyết thống gia đình; thống nhất với trình bày của anh Đ về nguồn gốc và quá trình sử dụng nhà, đất tranh chấp. Các cụ không có bất cứ yêu cầu đòi hỏi quyền lợi, đồng thời không yêu cầu chia thừa kế đối với thửa đất nêu trên. Tại phiên tòa phúc thẩm, các cụ yêu cầu chia thừa kế đối với thửa đất của vợ chồng cố Đ1 để lại.

- *Bà Nguyễn Thị T1 trình bày:* Bà là vợ của ông Nguyễn Viết Đ và là mẹ của anh Nguyễn Viết Đ. Bà thống nhất với trình bày của anh Đ về nguồn gốc, quá trình sử dụng nhà, đất đang tranh chấp.

- *Ông Nguyễn Viết P1, ông Nguyễn Viết B, ông Nguyễn Viết P đại diện cho Dòng họ Nguyễn V1 trình bày:* Dòng họ Nguyễn V1 ở thôn Giang L, xã Phương L, huyện Quế V, tỉnh Bắc Ninh có 03 chi: Trưởng chi một là ông Nguyễn Viết P, Trưởng chi hai là ông Nguyễn Viết B, Trưởng chi ba là ông Nguyễn Viết P1, Trưởng Dòng họ là anh Nguyễn Viết Đ.

Thửa đất số 273 đang tranh chấp có nguồn gốc của tổ tiên được truyền lại cho dòng trưởng nên cố Đ1 cùng gia đình được sinh sống trên thửa đất nêu trên, con trai lớn của cố Đ1 là cụ N cùng vợ con cũng được sinh sống trên thửa đất đó. Năm 1963, cụ N chết, cố Đ1 và con cháu vẫn tiếp tục sinh sống ở đây và chịu trách nhiệm giỗ tết cho Dòng họ. Do cụ N không có con trai nên sau khi cụ Đ1 chết thì ông P (con của cụ L) ra đó trông nom. Khi cụ T4 và các con sinh sống ở thửa đất này thì họ cũng dựng một ngôi nhà gỗ 05 gian để làm nơi thờ cúng tổ tiên đồng thời để làm chỗ ở cho mẹ con cụ T4. Sau này, khi trùng tu ngôi nhà thì các ông cũng tham gia.

Đối với công trình xây dựng trên thửa đất đều phải thông qua Dòng họ và Dòng họ sẽ đứng ra xây dựng các công trình bằng kinh phí của Dòng họ. Riêng ngôi nhà trần, khu công trình phụ, sân mà gia đình anh Đ đang sinh sống là do gia đình anh Đ xây dựng bằng nguồn kinh phí của gia đình, không liên quan đến Dòng họ, việc này là do Dòng họ đồng ý cho gia đình anh Đ xây dựng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 11/2019/DS-ST ngày 30/8/2019 Tòa án nhân dân huyện Quế V, tỉnh Bắc Ninh quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của đồng nguyên đơn bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị V.

Giao cho bà Nguyễn Thị T và bà Nguyễn Thị V được sử dụng 210m² đất trong thửa số 273, tờ bản đồ số 26 ở thôn Giang L, xã Phương L, huyện Quế V, tỉnh Bắc Ninh (đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BS238431, số vào sổ CH00586 ngày 30/9/2013 của Ủy ban nhân dân huyện Quế V, tỉnh Bắc Ninh cấp cho anh Nguyễn Viết Đ và chị Nguyễn Thị H). Ranh giới đất như sau: phía Đông các cạnh dài 6,72m và 5,77m giáp đất anh Nguyễn Viết Đ, phía Nam dài 6,24m giáp đất ông Nguyễn Đình K, phía Tây dài 19,16m giáp đường đi, phía Bắc các đoạn dài 2,71m và 10,17m giáp đất bà Nguyễn Thị V2. Bà Nguyễn Thị T và bà Nguyễn Thị V được sở hữu các tài sản trên đất gồm: 03 gian nhà gỗ xây gạch lợp ngói, phân tường bao xây gạch, một phần sân gạch. Tổng giá trị đất và tài sản trên đất là 635.000.000 đồng.

Giao cho anh Nguyễn Viết Đ, chị Nguyễn Thị H được sử dụng 200m² đất còn lại trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BS238431, số vào sổ CH00586 ngày 30/9/2013 của Ủy ban nhân dân huyện Quế V, tỉnh Bắc Ninh cấp cho anh Nguyễn Viết Đ và chị Nguyễn Thị H. Ranh giới đất như sau: phía Đông 18,43m giáp đường đi, phía Nam dài 15,83m giáp đất ông Nguyễn Đình K, phía Tây các đoạn dài 6,72m và 5,77m giáp đất bà Nguyễn Thị T và bà Nguyễn Thị V, phía Bắc dài 8,73m giáp đất ông Nguyễn Quang B1. Anh Nguyễn Viết Đ, chị Nguyễn Thị H và bà Nguyễn Thị T1 do anh Đ đại diện được sở hữu các tài sản có trên đất gồm: 01 nhà trần một tầng, 01 bếp chính đổ trần, 01 bếp phụ lợp ngói, 01 nhà tắm, 01 cổng sắt, 01 mái tôn chuồng gà, 01 mái tôn trước nhà, 01 tường hoa xây gạch, 01 tường bao xây gạch, một phần sân gạch, 01 cây đu đủ, 02 cây khế. Tổng trị giá đất 600.000.000 đồng (có sơ đồ kèm theo bản án).

Các đương sự có quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định.

2. Chấp nhận việc rút yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Nguyễn Thị T và bà Nguyễn Thị V. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T và bà Nguyễn Thị V đề nghị hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BS238431, số vào sổ CH00586 ngày 30/9/2013 của Ủy ban nhân dân huyện Quế V, tỉnh Bắc Ninh.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về quyền yêu cầu thi hành án, chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 11/9/2019, vợ chồng anh Nguyễn Viết Đ có đơn kháng cáo.

Ngày 12/9/2019, bà Nguyễn Thị V, bà Nguyễn Thị T có đơn kháng cáo.

Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 55/2020/DS-PT ngày 25/6/2020, Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T và bà Nguyễn Thị V.

Giao cho bà Nguyễn Thị T và bà Nguyễn Thị V được quyền sử dụng 210m² đất trong thửa số 273, tờ bản đồ số 26 ở thôn Giang L, xã Phương L, huyện Quế V, tỉnh Bắc Ninh (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BS238431, số vào sổ CH00586 ngày 30/9/2013 do Ủy ban nhân dân huyện Quế V, tỉnh Bắc Ninh cấp cho anh Nguyễn Viết Đ và chị Nguyễn Thị H), thửa đất có tứ cận như sau: Cạnh phía Bắc giáp đường đi là đoạn 1,2 dài 19,16m; cạnh phía Đông là đoạn 2,3,4 dài 12,88m giáp đất bà Nguyễn Thị V2; các cạnh phía Nam, phía Tây là các đoạn 4,9 dài 12,78m, đoạn 9,8 dài 6,97m, đoạn 8,7 dài 5,77m giáp thửa đất anh Đ được chia và đoạn 1,7 dài 6,24m giáp đất ông Nguyễn Đình K (có sơ đồ chi tiết kèm theo). Bà Nguyễn Thị T và bà Nguyễn Thị V được sở hữu các tài sản trên đất gồm 03 gian nhà gỗ xây gạch lợp ngói, phần tường bao xây gạch, một phần sân gạch. Tổng giá trị đất và tài sản trên đất là 635.000.000 đồng.

Giao cho anh Nguyễn Viết Đ, chị Nguyễn Thị H được sử dụng 200m² đất thuộc thửa số 273, tờ bản đồ số 26 tại thôn Giang L, xã Phương L, huyện Quế V, tỉnh Bắc Ninh (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BS238431 ngày 30/9/2013 do Ủy ban nhân dân huyện Quế V, tỉnh Bắc Ninh cấp cho anh Nguyễn Viết Đ và chị Nguyễn Thị H), thửa đất có tứ cận như sau: Cạnh phía Đông là đoạn 4,5 dài 8,73m giáp đất ông Nguyễn Quang B1; cạnh phía Nam giáp đường đi là đoạn 5,6 dài 18,43m; cạnh phía Tây là đoạn 6,7 dài 15,83m giáp đất ông Nguyễn Đình K; cạnh phía Bắc và phía Đông là đoạn 7,8 dài 5,77m, đoạn 9,8 dài 6,97m và đoạn 9,4 dài 12,78m giáp phần đất giao cho bà T, bà V (có sơ đồ chi tiết kèm theo). Anh Nguyễn Viết Đ, chị Nguyễn Thị H và bà Nguyễn Thị T1 do anh Đ đại diện được sở hữu các tài sản có trên đất gồm: 01 nhà trần một tầng, 01 bếp chính đồ trần, 01 bếp phụ lợp ngói, 01 nhà tắm, 01 cổng sắt, 01 mái tôn chuồng gà, 01 mái tôn trước nhà, 01 tường hoa xây gạch, 01 tường bao xây gạch, một phần sân gạch, 01 cây đu đủ, 02 cây khế. Tổng giá trị đất 600.000.000 đồng.

Các đương sự có quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T và bà Nguyễn Thị V đề nghị hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BS238431, số vào sổ CH00586 ngày 30/9/2013 của Ủy ban nhân dân huyện Quế V, tỉnh Bắc Ninh.

Ngoài ra, Tòa án cấp phúc thẩm còn quyết định về quyền yêu cầu thi hành án, chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Anh Nguyễn Viết Đ, cụ Nguyễn Thị T2, cụ Nguyễn Thị T3, ông Nguyễn

Viết P có đơn đề nghị xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm đối với Bản án phúc thẩm nêu trên.

Tại Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 27/KNGBĐT-VC1-DS ngày 17/9/2020, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội kháng nghị đối với Bản án dân sự phúc thẩm nêu trên theo thủ tục giám đốc thẩm.

Tại Quyết định giám đốc thẩm số 48/2022/DS-GĐT ngày 07/6/2022, Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội quyết định:

Không chấp nhận toàn bộ Kháng nghị giám đốc thẩm số 27/KNGBĐT-VC1-DS ngày 17/9/2020 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Giữ nguyên Bản án dân sự phúc thẩm số 55/2020/DS-PT ngày 25/6/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

Anh Nguyễn Viết Đ, chị Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị T1, cụ Nguyễn Thị T2, cụ Nguyễn Thị T3, ông Nguyễn Viết P, ông Nguyễn Viết B, ông Nguyễn Viết P1 có đơn đề nghị xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm đối với Quyết định giám đốc thẩm nêu trên.

Tại Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 16/QĐ-VKS-DS ngày 11/9/2023, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao kháng nghị Quyết định giám đốc thẩm số 48/2022/DS-GĐT ngày 07/6/2022 của Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, đề nghị Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hủy Quyết định giám đốc thẩm, Bản án phúc thẩm và hủy Bản án dân sự sơ thẩm nêu trên để xét xử sơ thẩm lại.

Tại phiên tòa giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tối cao đề nghị Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao chấp nhận Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Các đương sự đều thống nhất xác định: Cố Nguyễn Viết Đ có 02 người vợ là cố Nguyễn Thị C và cố Nguyễn Thị V3. Cố Đ1 và cố C sinh được 02 người con chung là cụ Nguyễn Viết N (chết 1963, có vợ là cụ Nguyễn Thị T4 và 02 người con là bà Nguyễn Thị T và bà Nguyễn Thị V) và cụ Nguyễn Thị N1 (đã chết, có 07 người con là ông Nguyễn Tài C1, ông Nguyễn Tài C2, bà Nguyễn Thị D, ông Nguyễn Tài T5, bà Nguyễn Thị D1, bà Nguyễn Thị D2, ông Nguyễn Tài K1). Cố Đ1 và cố V3 sinh được 03 người con chung là: cụ Nguyễn Thị T2, cụ Nguyễn Thị T3 và cụ Nguyễn Viết L (đã chết). Cụ L có 06 người con là ông Nguyễn Viết Đ (đã chết, có vợ là bà Nguyễn Thị T1 và 03 người con là anh Nguyễn Viết Đ, anh Nguyễn Viết T6, chị Nguyễn Thị T7), ông Nguyễn Viết P, bà Nguyễn Thị M, bà Nguyễn Thị M1, ông Nguyễn Viết H1 và ông Nguyễn Viết B2.

[2] Các thừa kế của vợ chồng cố Đ1 cho rằng thừa đất số 273 của vợ chồng cố Đ1 để lại, còn các ông Nguyễn Viết P, ông Nguyễn Viết B, ông Nguyễn Viết

P1 (các Trưởng chi của Dòng họ Nguyễn V1) cho rằng thửa đất trên của Dòng họ Nguyễn V1 truyền lại cho các đời Trưởng họ, nhưng đều không xuất trình được chứng cứ chứng minh. Các đương sự đều thừa nhận vợ chồng cố Đ1 đã xây cất nhà ở trên thửa đất số 273, nhưng căn nhà này đã bị giặc đốt. Bà T, bà V cho rằng căn nhà ngói 05 gian (hiện đã dỡ 02 gian) trên đất do vợ chồng cụ N xây dựng để ở, còn các đương sự khác lại cho rằng nhà này do con cháu đóng góp tiền xây dựng nhưng đều không đưa ra được chứng cứ. Thực tế, vợ chồng cố Đ1 cùng các con (trong đó có cụ T2, cụ T3) ở tại nhà đất này cho đến khi vợ chồng cố Đ1 chết. Do đó, có căn cứ xác định căn nhà ngói 05 gian (hiện đã dỡ 02 gian) trên thửa đất số 273, diện tích 410m² là do vợ chồng cố Đ1 tạo lập.

[3] Theo sổ “Tổng hợp đất thổ cư thôn Giang L” thể hiện hộ bà T có diện tích 313m², không có xác nhận, chứng thực của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền. Tài liệu này cũng không phải là giấy tờ về quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 50 Luật đất đai năm 1993, Điều 100 Luật đất đai năm 2013. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm, Tòa án cấp phúc thẩm và Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội lại căn cứ tài liệu nêu trên và lời khai của phía nguyên đơn để cho rằng vợ chồng cố Đ1 đã cho cụ N, cụ T4 thửa đất số 273, diện tích 410m² là không đúng pháp luật. Do đó, Tòa án các cấp chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T, bà V, xem xét công sức duy trì tôn tạo của gia đình anh Đ, từ đó quyết định giao cho bà T, bà V được quyền sử dụng 210m² đất, giao cho vợ chồng anh Đ được quyền sử dụng 200m² đất là không có căn cứ và không đảm bảo quyền lợi của các thừa kế của cố Đ1, cố C, cố V3.

[4] Ngoài ra, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm chỉ lấy lời khai của các con cụ N1 và 04 người con của cụ L (cụ L có 07 người con), mà không đưa họ, cũng như các thừa kế khác của vợ chồng cố Đ1 vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là vi phạm khoản 4 Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Vì vậy, khi xem xét lại, Tòa án phải đưa những người nêu trên tham gia tố tụng, nếu các đương sự có yêu cầu chia thừa kế đối với di sản của vợ chồng cố Đ1 thì áp dụng các quy định của pháp luật về thừa kế, đồng thời xác định còn thời hiệu khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của vợ chồng cố Đ1 để giải quyết, bảo đảm quyền lợi của các đương sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 337, khoản 2 Điều 343, khoản 2 Điều 345 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

1. Chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 16/QĐ-VKS-DS ngày 11/9/2023 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

2. Hủy Quyết định giám đốc thẩm số 48/2022/DS-GĐT ngày 07/6/2022 của Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, hủy Bản án dân sự phúc thẩm số 55/2020/DSPT ngày 25/6/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc

Ninh và hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 11/2019/DS-ST ngày 30/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện Quế V, tỉnh Bắc Ninh về vụ án “*Tranh chấp kiện đòi tài sản thừa kế*” giữa nguyên đơn là bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị V với bị đơn là anh Nguyễn Việt Đ, chị Nguyễn Thị H và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác.

3. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Quế V, tỉnh Bắc Ninh xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm đúng quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Chánh án TANDTC (để báo cáo);
- Viện trưởng VKSNDTC;
- Vụ 9 VKSNDTC;
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- TAND huyện Quế V, tỉnh Bắc Ninh
(kèm hồ sơ vụ án);
- Vụ Tổng hợp TANDTC;
- Trung tâm Tư liệu - Thư viện TANDTC;
- Vụ Pháp chế và Quản lý khoa học TANDTC;
- Chi cục THADS huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: VP, Thẩm phán chủ tọa, Vụ GDKT II
TANDTC (02 bản), hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG THẨM PHÁN
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Hồng Hà